

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi nghìn, tám trăm sáu mươi đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã HSP.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

33  
CỘNG  
HỘI  
TIỀN  
AN

Số. 159/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 18/2/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



*Net test*

---

**Bùi Thị Thúy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

---

**Lê Mạnh Hùng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>206.525.648.234</b>	<b>197.075.272.776</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>73.135.846.962</b>	<b>38.523.219.470</b>
1. Tiền	111		63.135.846.962	38.523.219.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.000.000.000</b>	<b>33.210.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	27.000.000.000	33.210.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.753.009.623</b>	<b>30.783.920.115</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	27.615.803.316	29.304.982.004
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	479.918.349	867.700.799
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	657.287.958	611.237.312
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>77.636.791.649</b>	<b>94.557.633.191</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	77.636.791.649	94.557.633.191
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>500.000</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	-	500.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+260)	<b>200</b>		<b>22.664.107.395</b>	<b>26.368.638.263</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.429.706.070</b>	<b>26.325.964.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.711.103.418	13.551.660.030
- Nguyên giá	222		96.096.900.387	100.186.012.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.385.796.969)	(86.634.352.322)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	11.718.602.652	12.774.304.586
- Nguyên giá	228		18.417.022.686	18.417.022.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.698.420.034)	(5.642.718.100)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>234.401.325</b>	<b>42.673.647</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	234.401.325	42.673.647
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>229.189.755.629</b>	<b>223.443.911.039</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31/12/2022

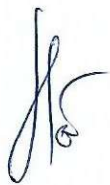
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>42.443.746.467</b>	<b>38.582.057.277</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.443.746.467</b>	<b>38.582.057.277</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	18.309.432.496	16.969.118.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	484.273.338	32.859.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.594.433.460	1.212.038.606
4. Phải trả người lao động	314		7.788.390.212	6.468.331.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.490.752.007	5.115.977.832
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	6.593.786.528	6.955.220.058
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.182.678.426	1.828.511.005
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>186.746.009.162</b>	<b>184.861.853.762</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>186.746.009.162</b>	<b>184.861.853.762</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.270.860.000	120.270.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.270.860.000	120.270.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.060.000.000	14.060.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.151.435.908	37.574.964.787
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.914.386.148	1.337.915.027
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.349.327.106	11.618.113.948
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		88.691.535	88.691.536
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.260.635.571	11.529.422.412
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>229.189.755.629</b>	<b>223.443.911.039</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thu Hà

Trần Thế Giang

Nguyễn Ngọc Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	463.180.962.026	436.760.629.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	375.046.119	189.794.725
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	462.805.915.907	436.570.835.033
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	404.952.138.765	386.204.742.997
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		57.853.777.142	50.366.092.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.911.691.510	4.169.046.678
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	66.304.996
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	11.777.153.712	12.859.289.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	31.607.072.035	27.441.531.568
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		16.381.242.905	14.168.012.302
11. Thu nhập khác	31	6.6	13.823.948	319.450.134
12. Chi phí khác	32	6.6	231.195.503	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(217.371.555)	319.450.134
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.163.871.350	14.487.462.436
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.903.235.779	2.958.040.024
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.260.635.571	11.529.422.412
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.019	911

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.163.871.350	14.487.462.436
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.889.122.927	6.004.969.218
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(68.593.514)	66.304.996
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.856.921.944)	(4.488.496.812)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.127.478.819	16.070.239.838
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.059.043.580)	(3.021.333.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.920.841.542	(27.578.222.814)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.813.586.847	7.350.976.479
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(191.727.678)	1.615.024
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.969.867.536)	(3.221.006.765)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	764.518
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(249.776.810)	(201.219.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>37.391.491.604</b>	<b>(10.598.186.427)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.897.222.253)	(6.762.592.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		918.181.818	405.979.407
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	(11.210.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		43.210.000.000	21.210.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.721.591.859	5.637.496.043
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>6.952.551.424</b>	<b>9.280.882.995</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.800.009.050)	(8.106.215.731)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(9.800.009.050)</b>	<b>(8.106.215.731)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>34.544.033.978</b>	<b>(9.423.519.163)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>38.523.219.470</b>	<b>48.013.043.629</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		68.593.514	(66.304.996)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>73.135.846.962</b>	<b>38.523.219.470</b>

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi nghìn, tám trăm sáu mươi đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã HSP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 260 người (tại ngày 31/12/2021 là: 254 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- (Không bao gồm những ngành, nghề mà Pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Sản xuất và kinh doanh sơn...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất được tính phân bổ khấu hao theo thời gian thuê đất, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ của từng khoản mục chi phí.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ phân bổ không quá 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Trong năm chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty không phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữ số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính và giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Trong năm, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được áp dụng là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sơn, chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.282.970.448	946.022.981
Tiền gửi ngân hàng	61.852.876.514	37.577.196.489
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) gửi tại:	10.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ</i>	<i>10.000.000.000</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>73.135.846.962</b>	<b>38.523.219.470</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>33.210.000.000</b>	<b>33.210.000.000</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại:</i>				
Ngân hàng TMCP Quốc Tê Việt Nam	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô	5.000.000.000	5.000.000.000	11.210.000.000	11.210.000.000
<b>Tổng</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>33.210.000.000</b>	<b>33.210.000.000</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.615.803.316</b>	<b>29.304.982.004</b>
Công ty HONDA Việt Nam	13.004.188.446	11.042.234.270
Cty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	3.480.264.722	2.756.151.123
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	324.688.100	2.555.092.733
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đạt Thành Phát	198.986.328	2.279.717.634
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Bình Lâm	2.067.537.843	1.513.473.992
Công ty TNHH Công Nghiệp Chính Xác Việt Nam 1	1.421.250.115	1.468.546.992
Các khách hàng khác	7.118.887.762	7.689.765.260
<b>Tổng</b>	<b>27.615.803.316</b>	<b>29.304.982.004</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>479.918.349</b>	<b>867.700.799</b>
Công ty TNHH tư vấn Hoàng kim (i)	124.000.000	124.000.000
Công ty CP Phát Triển Giải Pháp Truyền Thông Quang Minh	114.000.000	-
Công ty CP Truyền Thông Đa Phong Cách	-	513.825.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	241.918.349	229.875.799
<b>Tổng</b>	<b>479.918.349</b>	<b>867.700.799</b>

(i) Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ xin khai thác nước ngầm và xả thải cho Dự án của Công ty tại xã Minh Đức, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên vẫn đang hoàn thiện nốt các thủ tục để tiến hành thanh lý hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	657.287.958	-	611.237.312	-
Lãi dự thu ngân hàng	655.221.918	-	533.715.781	-
Các khoản phải thu khác	2.066.040	-	77.521.531	-
<b>Tổng</b>	<b>657.287.958</b>	<b>-</b>	<b>611.237.312</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.593.773.645	-	67.688.110.382	-
Thành phẩm	28.043.018.004	-	26.869.522.809	-
<b>Tổng</b>	<b>77.636.791.649</b>	<b>-</b>	<b>94.557.633.191</b>	<b>-</b>

**5.7 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2022
Thuế thu nhập cá nhân	500.000	-	500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2022	20.297.068.208	48.984.736.544	16.823.844.834	14.080.362.766	100.186.012.352
Tăng trong năm	1.797.222.222	100.000.000	-	-	1.897.222.222
Mua trong năm	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.797.222.222	-	-	-	1.797.222.222
Giảm trong năm	-	(2.382.232.695)	(3.604.101.492)	-	(5.986.334.187)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.382.232.695)	(3.604.101.492)	-	(5.986.334.187)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>22.094.290.430</b>	<b>46.702.503.849</b>	<b>13.219.743.342</b>	<b>14.080.362.766</b>	<b>96.096.900.387</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2022	20.117.049.358	46.839.762.326	6.958.200.115	12.719.340.523	86.634.352.322
Tăng trong năm	111.680.833	1.435.881.453	1.716.045.724	625.853.856	3.889.461.866
Khấu hao trong năm	111.680.833	1.435.881.453	1.716.045.724	569.812.983	3.833.420.993
Phân loại lại	-	-	-	56.040.873	56.040.873
Giảm trong năm	-	(2.394.942.831)	(2.743.074.388)	-	(5.138.017.219)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.382.232.695)	(2.699.743.622)	-	(5.081.976.317)
Phân loại lại	-	(12.710.136)	(43.330.766)	-	(56.040.902)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>20.228.730.191</b>	<b>45.880.700.948</b>	<b>5.931.171.451</b>	<b>13.345.194.379</b>	<b>85.385.796.969</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2022	180.018.850	2.144.974.218	9.865.644.719	1.361.022.243	13.551.660.030
Số dư tại 31/12/2022	1.865.560.239	821.802.901	7.288.571.891	735.168.387	10.711.103.418

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 70.363.422.576 VND (tại ngày 01/01/2022 là: 64.812.710.034 VND).

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	17.261.158.686	1.155.864.000	18.417.022.686
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>17.261.158.686</b>	<b>1.155.864.000</b>	<b>18.417.022.686</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2022	5.353.488.204	289.229.896	5.642.718.100
Tăng trong năm	863.057.934	192.644.000	1.055.701.934
Khấu hao trong năm	863.057.934	192.644.000	1.055.701.934
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>6.216.546.138</b>	<b>481.873.896</b>	<b>6.698.420.034</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2022	11.907.670.482	866.634.104	12.774.304.586
Số dư tại 31/12/2022	11.044.612.548	673.990.104	11.718.602.652

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)**

(\*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, giá trị 2.761.158.686 đồng. Diện tích đất bao gồm 4.914 m<sup>2</sup> sử dụng làm trụ sở làm việc, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 01/04/2002 và 141,9 m<sup>2</sup> nằm trong chỉ giới đường đỏ khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, giá trị 14.500.000.000 đồng. Đất khu công nghiệp diện tích 20.488 m<sup>2</sup>, thời gian sử dụng 45 năm đến ngày 18/01/2057.

**5.10 Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dài hạn	234.401.325	42.673.647
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	234.401.325	42.673.647
<b>Tổng</b>	<b>234.401.325</b>	<b>42.673.647</b>

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	18.309.432.496	18.309.432.496	16.969.118.515	16.969.118.515
Công ty TNHH FSI Việt Nam	1.105.885.000	1.105.885.000	337.260.000	337.260.000
Công ty TNHH Xăng Dầu Huyện Vinh	958.399.441	958.399.441	487.769.881	487.769.881
Công ty TNHH TM Hà Anh Phát	3.557.833.180	3.557.833.180	3.307.421.248	3.307.421.248
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển TT hóa chất	1.388.596.000	1.388.596.000	3.142.425.000	3.142.425.000
Công ty TNHH ĐT và TM SII	581.644.879	581.644.879	2.580.624.827	2.580.624.827
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất CK Hà nội	3.263.128.550	3.263.128.550	182.802.950	182.802.950
Công ty TNHH A.D.V	1.680.473.520	1.680.473.520	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Mega Việt Nam	1.613.755.000	1.613.755.000	668.800.000	668.800.000
Các số dư nhỏ dưới 10% tổng dư nợ phải trả	4.159.716.926	4.159.716.926	6.262.014.609	6.262.014.609
<b>Tổng</b>	<b>18.309.432.496</b>	<b>18.309.432.496</b>	<b>16.969.118.515</b>	<b>16.969.118.515</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>484.273.338</b>	<b>32.859.485</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tân Hà 2	-	11.759.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Nam Hải	142.542.331	-
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp HAPULICO	289.673.230	-
Các khách hàng khác	52.057.777	21.100.485
<b>Tổng</b>	<b>484.273.338</b>	<b>32.859.485</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	253.052.857	12.871.283.160	13.059.696.006	64.640.011
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.733.120.398	1.733.120.398	-
Thuế xuất, nhập khẩu		299.103.226	299.103.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	949.861.926	3.540.675.236	2.969.867.536	1.520.669.626
Thuế thu nhập cá nhân	-	531.406.389	531.406.389	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.256.923.808	1.256.923.808	-
Các loại thuế khác	9.123.823	6.000.000	6.000.000	9.123.823
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	164.800	164.800	-
<b>Tổng</b>	<b>1.212.038.606</b>	<b>20.238.677.017</b>	<b>19.856.282.163</b>	<b>1.594.433.460</b>

*Đơn vị tính: VND***5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.490.752.007</b>	<b>5.115.977.832</b>
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	2.858.610.539	2.302.114.749
Chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán	2.200.750.058	2.220.289.192
Chi phí phải trả do tạm giữ lương	431.391.410	153.573.890
Chi phí phải trả khác	-	440.000.001
<b>Tổng</b>	<b>5.490.752.007</b>	<b>5.115.977.832</b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.593.786.528</b>	<b>6.955.220.058</b>
Kinh phí công đoàn	2.019.671.050	1.696.014.580
Các khoản tạm giữ lương phải trả người lao động	4.574.115.478	5.259.205.478
<b>Tổng</b>	<b>6.593.786.528</b>	<b>6.955.220.058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	120.270.860.000	14.060.000.000	36.561.454.898	831.160.082	10.221.927.046	181.945.402.026
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	1.013.509.889	506.754.945	11.529.422.412	13.049.687.246
<i>Lãi trong năm trước</i>	-	-	-	-	11.529.422.412	11.529.422.412
<i>Trích lập quỹ</i>	-	-	1.013.509.889	506.754.945	-	1.520.264.834
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	(10.133.235.510)	(10.133.235.510)
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(8.106.215.731)	(8.106.215.731)
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	(2.027.019.779)	(2.027.019.779)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	120.270.860.000	14.060.000.000	37.574.964.787	1.337.915.027	11.618.113.948	184.861.853.762
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	120.270.860.000	14.060.000.000	37.574.964.787	1.337.915.027	11.618.113.948	184.861.853.762
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	576.471.121	576.471.121	12.260.635.571	13.413.577.813
<i>Lãi trong năm này</i>	-	-	-	-	12.260.635.571	12.260.635.571
<i>Trích lập quỹ</i>	-	-	576.471.121	576.471.121	-	1.152.942.242
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	(11.529.422.413)	(11.529.422.413)
<i>Chia cổ tức (*)</i>	-	-	-	-	(9.800.009.050)	(9.800.009.050)
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>	-	-	-	-	(1.729.413.363)	(1.729.413.363)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	1.914.386.148	12.349.327.106	186.746.009.162

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 53/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022 về việc Thông qua các nội dung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Chia cổ tức (8,15% vốn điều lệ): 9.800.009.050 VND.
2. Trích lập quỹ dự phòng bắt buộc: 576.471.121 VND.
3. Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 576.471.121 VND.
4. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 576.471.121 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

Cổ đông	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2022	01/01/2022
	SL	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam	3.700.000	37.000.000.000	30,76%	37.000.000.000	37.000.000.000
Các Cổ đông khác	8.327.086	83.270.860.000	69,24%	83.270.860.000	83.270.860.000
<b>Tổng</b>	<b>12.027.086</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>120.270.860.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	120.270.860.000	120.270.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	120.270.860.000	120.270.860.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>9.800.009.050</b>	<b>8.106.215.731</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.027.086	12.027.086
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.027.086	12.027.086
Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	38.151.435.908	37.574.964.787
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.914.386.148	1.337.915.027
<b>Tổng</b>	<b>40.065.822.056</b>	<b>38.912.879.814</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán sản phẩm	463.180.962.026	436.760.629.758
<b>Tổng</b>	<b>463.180.962.026</b>	<b>436.760.629.758</b>
Các khoản giảm trừ	375.046.119	189.794.725
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	3.080.000
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	375.046.119	186.714.725
<b>Tổng</b>	<b>462.805.915.907</b>	<b>436.570.835.033</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán sản phẩm	404.952.138.765	386.204.742.997
<b>Tổng</b>	<b>404.952.138.765</b>	<b>386.204.742.997</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.843.097.996	4.169.046.678
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	68.593.514	-
<b>Tổng</b>	<b>1.911.691.510</b>	<b>4.169.046.678</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	66.304.996
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>66.304.996</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>11.777.153.712</b>	<b>12.859.289.848</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	5.134.686.013	4.667.098.228
Chi phí khấu hao	338.495.318	396.694.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.966.651.046	6.629.792.231
Chi phí khác bằng tiền	1.337.321.335	1.165.705.331
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>31.607.072.035</b>	<b>27.441.531.568</b>
Chi phí nhân viên quản lý	15.572.057.117	14.934.150.913
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	810.619.849	1.107.429.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.182.382.421	1.954.295.967
Thuế, phí, lệ phí	2.458.130.282	3.184.222.614
Chi phí mua ngoài	9.547.352.389	6.009.858.993
Chi phí bằng tiền khác	1.036.529.977	251.573.361
<b>Tổng</b>	<b>43.384.225.747</b>	<b>40.300.821.416</b>

**6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý tài sản	13.823.948	319.450.134
<b>Tổng</b>	<b>13.823.948</b>	<b>319.450.134</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt vi phạm hành chính về thuế	231.195.503	-
<b>Tổng</b>	<b>231.195.503</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(217.371.555)</b>	<b>319.450.134</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	381.172.618.161	361.844.217.900
Chi phí nhân công	43.398.189.616	41.355.552.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.889.122.928	6.004.969.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.976.107.562	16.235.195.831
Chi phí khác bằng tiền	5.440.384.745	5.963.659.889
<b>Tổng</b>	<b>452.876.423.012</b>	<b>431.403.595.835</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.163.871.350</b>	<b>14.487.462.436</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>926.341.211</b>	<b>302.737.683</b>
+ Chi phí khấu hao phần vượt nguyên giá 1,6 tỷ của TSCĐ	605.545.708	173.832.687
+ Các khoản phạt, chậm nộp thuế	231.195.503	-
+ Thu lao trả cho thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	89.600.000	62.600.000
+ Lỗ CLTG đánh giá lại TGNH có gốc ngoại tệ chưa thực hiện	-	66.304.996
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>(68.593.514)</b>	<b>-</b>
+ Lãi CLTG đánh giá lại TGNH có gốc ngoại tệ chưa thực hiện	(68.593.514)	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>17.021.619.047</b>	<b>14.790.200.119</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành (a)</b>	<b>3.404.323.809</b>	<b>2.958.040.024</b>
Thuế TNDN năm 2020, 2021 bị truy thu theo sau thanh tra của Cục thuế TP Hà Nội (b)	498.911.970	-
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (a+b)</b>	<b>3.903.235.779</b>	<b>2.958.040.024</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.260.635.571</b>	<b>11.529.422.412</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(576.471.121)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.260.635.571</b>	<b>10.952.951.291</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.019</b>	<b>911</b>

(\*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.529.422.412	11.529.422.412	-
Số dư trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý (VND)	-	(576.471.121)	(576.471.121)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11.529.422.412	10.952.951.291	(576.471.121)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	959	911	(48)

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan của Công ty****Bên liên quan**

Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam

Ông Nguyễn Thiện Ái

Ông Nguyễn Ngọc Anh

Ông Nguyễn Xuân Cường

Ông Nguyễn Mạnh Đức

Ông Trịnh Lê Minh

Ông Trần Thế Giang

Ông Nguyễn Minh Đức

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Phạm Thị Huyền

Và các cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn

Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng GD

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT, Phó TGD

Ủy viên HĐQT

Kế toán trưởng

Trưởng BKS

Ủy viên BKS

Ủy viên BKS

Ảnh hưởng đáng kể

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Thù lao, thu nhập của các nhân sự chủ chốt:*

Họ tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		<b>253.200.000</b>	<b>255.700.000</b>
Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch HĐQT	70.000.000	70.500.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	48.800.000	49.300.000
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT	44.800.000	45.300.000
Ông Nguyễn Xuân Cương	Ủy viên HĐQT	44.800.000	45.300.000
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên HĐQT	44.800.000	45.300.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>984.712.598</b>	<b>943.566.774</b>
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc	532.062.388	511.506.169
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	452.650.210	432.060.605
<b>Thu nhập của Kế toán trưởng, Thù lao của Ban Kiểm soát</b>		<b>543.729.594</b>	<b>530.933.684</b>
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng BKS	39.000.000	39.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên BKS	30.700.000	31.700.000
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên BKS	31.200.000	30.700.000
Ông Trần Thế Giang	Kế toán trưởng	442.829.594	429.033.684
<b>Tổng</b>		<b>1.781.642.192</b>	<b>1.730.200.458</b>

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh